**TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Họ và tên GV dạy: Nguyễn Văn Đức**

**TỔ: TOÁN Tuần:33 – Tiết :65**

**TIẾT 65: ÔN TẬP CHƯƠNG IV(tt)**

**(Môn: Toán, Lớp:9A1,2,4; thời lượng thực hiện: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức:***

*-* Thông qua việc giải bài tập HS củng cố lại các kiến thức đã học trong chương IV

***2. Năng lực***

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt : Nhớ lại các kiến thức đã học trong chương IV

***3. Phẩm chất***

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

**2. Học sinh:**

- Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (Kiểm tra vở bài tập)

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh hệ thống lại các kiến thức đã học thông qua việc trả lời câu hỏi.

**b) Nội dung:** HS hệ thống lại các kiến thức đã học ở chương IV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***.*  GV: Cho HS nhớ lại kiến thức mà các em đã học từ đầu chương đến nay trong vòng 3’  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: Có thể viết ra giấy nháp điều mà các em suy nghĩ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS trình bày kết quả  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  GV chốt lại kiến thức | **I. Lý thuyết:**  Cho phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0)  1/ *Công thức nghiệm tổng quát:*  Đặt  = b2 – 4ac  Nếu  < 0 Phương trình vô nghiệm  Nếu  = 0 Phương trình có nghiệm kép x1 = x2 =  Nếu  > 0 phương trình có hai nghiệm phân biệt:  x1 = ; x2 =  2/ *Công thức nghiệm thu gọn:* Đặt ’= 2 – ac  Nếu ’ < 0 Phương trình vô nghiệm  Nếu ’ = 0 Phương trình có nghiệm kép x1 = x2 =  Nếu ’> 0 phương trình có hai nghiệm phân biệt:  x1 = ; x2 =  3/ *Hệ thức Viét:*  Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0). Có hai nghiệm x1, x2 thì tổng và tích hai nghiệm đó là  4/*Nhẩm nghiệm theo hệ số a,b,c*:  a) Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) có a + b + c = 0 thì phương trình có một nghiệm x1  = 1, x2 =  b)Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) có a - b + c = 0 thì phương trình có một nghiệm x1  = -1, x2 = -  5/ *Minh họa nghiệm bằng đồ thị*:  Phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) ax2 = -bx – c  Đặt y = ax2 (P) và y = -bx – c (d)  Vẽ đồ thị hàm số trên cùng một hệ trục tọa độ.  Nghiệm của phương trình ax2 + bx + c = 0 chính là hoành độ giao điểm của hai đồ thị hàm số (P) và (d) .  - Nếu (P) không cắt (d) thì phương trình vô nghiệm.  - Nếu (P) tiếp xúc với (d) thì phương trình có nghiệm kép.  - Nếu (P) cắt (d) thì phương trình có hai nghiệm phân biệt |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải bài tập.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM SỰ KIẾN** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***.*  GV gợi ý, hướng dẫn HS nắm được hướng giải của bài tập. Cả lớp làm trên giấy nháp bài 55  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: Thực hiện các yêu cầu của GV  GV gợi ý:  **?** Nhận xét về dạng của phương trình? Có thể suy ngay ra nghiệm của phương trình không?  **?** Nêu cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2 và y = ax + b ?  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + 1HS lên bảng. Cả lớp theo dõi, tham gia bổ sung, nhận xét.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV uốn nắn, sửa sai, chốt lại  **Nhiệm vụ 2:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn cả lớp làm phiếu học tập bài tập 62/64 SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: Thực hiện các yêu cầu của GV  GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + 1 HS lên bảng thực hiện  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  -GV thu một vài phiếu học tập nhận xét  - Dẫn dắt HS sửa bài trên bảng cùng bài trong phiếu học tập. Chốt lại  **Nhiệm vụ 3:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS *hoạt động nhóm*  bài tập 65/64 SGK  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: Thực hiện các yêu cầu của GV  GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện nhóm lên bảng trình bày  - GV các nhóm khác tham gia nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV chốt lại | **Luyện tập** Bài 55/63:  a) x2 - x – 2 = 0  Phương trình có dạng : a - b + c  = 1 – (-1) + 2 = 0 nên có hai nghiệm:  x1 = ; x2 = -1  b) *Vẽ đồ thị*:    c) Dựa vào đồ thị ta thấy 2 giao điểm của hai đồ thị là A và B có hoành độ lần lượt là 2 và -1 chính là hai nghiệm tìm được của phương trình x2 – x – 2 trong câu a)  Bài 62/64: 7x2 +2(m - 1)x – m2 = 0  a) Để phương trình có nghiệm thì 0  ’=(m – 1) 2 – 7(-m2) = 8m2 +2m +1 > 0 với mọi giá trị của m  Vậy với mọi giá trị của m phương trình luôn có nghiệm  b) Gọi x1, x2 là hai nghiệm của phương trình ta có:  x12 + x2 2 =(x1 + x2 )2 – 2x1 -2x2    Bài 65/64:  Gọi vận tốc xe lửa thứ nhất là x(*km/h*), x > 0  Khi đó vận tốc xe lửa thứ hai là x + 5(*km/h*)  Thời gian xe lửa thứ nhất đi từ Hà Nội đến chỗ gặp nhau là (*giờ*)  Thời gian xe lửa thứ hai đi từ Bình Sơn đến chỗ gặp nhau là : (*giờ*)  Vì xe lửa thứ hai đi sau 1 giờ, nghĩa là thời gian đi đến chỗ gặp nhau ít hơn xe thứ nhất 1 giờ. Do đó, ta có phương trình:  Giải phương trình ta được:  x1= 45; x2 = -50 (*loại*)  *Vậy*: Vận tốc của xe lửa thứ nhất là 45km/h  Vận tốc của xe lửa thứ hai là 50km/h |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Vận dụng vẽ đồ thị hàm số y = ax2 ,cách giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm, cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình

Giải các bài toán bằng cách lập phương trình

Dạng tính vận tốc bài 65/64

***4.* *Hướng dẫn về nhà***

- Ôn kỹ các lý thuyết trong chương và xem lại các bài tập đã giải

- HS làm bài tập 54, 56, 57, 58, 59 trang 63 SGK, 60, 61, 63,64, 66 trang 64 SGK

\**Hướng dẫn* :

Bài 54 /63: Vẽ đồ thị rồi dựa vào đồ thị để tìm điểm theo yêu cầu của bài

Bài 61/64: dựa vào hệ thức Viét

-Chuẩn bị kỹ để tiết sau ôn tập cuối năm

**TRƯỜNG THCS TRẦN PHÚ Họ và tên GV dạy: Nguyễn Thị Nhẹ**

**TỔ: TOÁN – TIN Tuần:33 – Tiết :66**

**TIẾT 66: ÔN TẬP CUỐI NĂM)**

**(Môn: Toán, Lớp:9A1,2,3,4; thời lượng thực hiện: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

*-* Thông qua việc giải bài tập HS củng cố lại các kiến thức đã học trong chương

***2. Năng lực***

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt : Nhớ lại các kiến thức đã học trong chương IV

***3. Phẩm chất***

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

**2. Học sinh:**

- Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh)

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục đích:** Củng cố cho Hs những kiến thức liên quan

**b) Nội dung:** Ôn tập lí thuyết

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM SỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***.*  - Viết công thức nghiệm và công thức nghiệm thu gọn ?  - Viết hệ thức Vi - ét cho phương trình bậc hai  - Nêu cách tìm hai số u , v khi biết tổng và tích của chúng.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: Thực hiện các yêu cầu của GV  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS lên bảng trình bày  + HS dưới lớp theo dõi và nhận xét  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, chốt kiến thức | ***I. Lý thuyết***  1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai:  Cho phương trình bậc hai:    +) Nếu Δ > 0  phương trình có hai nghiệm:  ;  +) Nếu Δ= 0  phương trình có nghiệm kép là:  +) Nếu Δ < 0  phương trình vô nghiệm  2. Hệ thức Vi - ét và ứng dụng .  Nếu phương trình bậc hai:  Có 2 nghiệm x1 và x2 thì |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào giải bài tập

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM SỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***.*  GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập  1. **Bài tập 56:** (Sgk - 63)  2. **Bài tập 57:** (Sgk - 64)  3. **Bài tập 60:** (Sgk - 64)  4. **Bài tập 61:** (Sgk - 64)  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: Thực hiện các yêu cầu của GV  GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS trình bày kết quả  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  GV chốt lại kiến thức | **2. Bài tập 56:** (Sgk - 63)  Giải phương trình:  a)  (1)  Đặt x2 = t (Đ/K: t ≥ 0)  Ta có phương trình:  (2)(a = 3; b = -12; c = 9)  Vì : a + b + c = 3 + (-12) + 9 = 0  Nên phương trình (2) có hai nghiệm là:  t1 = 1; t2 = 3  +) Với t1 = 1  x2 = 1  x =  +) Với t2 = 3  x2 = 3  x =  Vậy phương trình (1) có 4 nghiệm là:  x1 = -1; x2 = 1;  **3. Bài tập 57:** (Sgk - 64)  Giải phương trình:  b)  6x2 - 20x = 5 (x + 5 )  6x2 - 25x - 25 = 0  (a = 6; b = - 25; c = - 25)  Ta có Δ = ( -25)2 - 4.6.(-25) = 25. 49 > 0    Vậy phương trình (1) có hai nghiệm phân biệt là:  x1 =  c)  (1)  - ĐKXĐ: x ≠ 0 và x ≠ 2  - Ta có phương trình (1)  (2)  x2 + 2x - 10 = 0 (3)  (a = 1; b' = 1; c = -10)  Ta có : Δ' = 12 - 1. (-10) = 11 > 0   phương trình (3) có hai nghiệm phân biệt là:    - Đối chiếu điều kiện ta thấy hai nghiệm trên đều thoả mãn phương trình (1)  phương trình (1) có hai nghiệm là:  **4. Bài tập 60:** (Sgk - 64)  a) pt 12x2 - 8x + 1 = 0 có nghiệm x1 =  Theo Vi - ét ta có: x1.x2 =  x2 =  Vậy phương trình có hai nghiệm là:    c) Phương trình  có nghiệm  x1 =  theo Vi - ét ta có:  x1.x2 =  x2 =   x2 =  **5. Bài tập 61:** (Sgk - 64)  a) Vì u + v = 12 và u.v = 28 nên theo  Vi - ét ta có u, v là nghiệm của phương trình: x2 - 12 x + 28 = 0  Ta có Δ' = (- 6)2 - 1.28 = 36 - 28 = 8 > 0  Phương trình có hai nghiệm x1 = ;  Do u > v  ta có  u = x1 =  b) Theo bài ra ta có u + v = 3 ; u.v = - 3  nên theo Vi - ét thì u , v là nghiệm của phương trình bậc hai : x2 - 3x - 3 = 0  Có Δ = (-3)2 - 4.1.(-3) = 9 + 12 = 21 > 0    Phương trình có 2 nghiệm:    Vậy ta có hai số u; v là:  (u, v) = |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Vận dụng cách giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm, cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình Giải các bài toán bằng cách lập phương trình

Dạng tính vận tốc bài 60/sgk trang 64

**4. Hướng dẫn về nhà**

\**Hướng dẫn* :

Bài 54 /63: Vẽ đồ thị rồi dựa vào đồ thị để tìm điểm theo yêu cầu của bài

Bài 61/64: dựa vào hệ thức Viét

-Chuẩn bị kỹ để tiết sau ôn tập tiếp

- Tiếp tục ôn tập về công thức nghiệm của phương trình bậc hai

- Ôn tập về hệ thức Vi- ét và các ứng dụng của hệ thức Vi - ét để nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai một ẩn.

- Làm bài tập còn lại ( Sgk trang 63, 64)

- Ôn tập lại các kiến thức đã học về căn bậc hai và căn bậc ba, làm các bài tập phần ôn tập ập cuối năm trong sgk trang 131, 132 ( bài tập từ 1 đến 5)

**PHẦN HÌNH HỌC**

**TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Họ và tên GV dạy: Nguyễn Văn Đức**

**TỔ: TOÁN Tuần:33 – Tiết: 63**

**TIẾT65 : ÔN TẬP CHƯƠNG IV**

**(Môn: Toán, Lớp:9A1,2,4; thời lượng thực hiện: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

-Hệ thống hóa các khái niệm về hình trụ, hình nón, hình cầu (đáy, chiều cao, đường sinh,...(với hình trụ, hình nón )

-Hệ thống hóa các công thức tính chu vi, diện tích, thể tích,...(theo bảng ở trang 128)

***2. Năng lực****:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

***-*** Năng lưc chuyên biệt . Tính chu vi, diện tích, thể tích tích mặt cầu và thể tích các hình đẫ học trong chương IV .

***3. Phẩm chất***

- Tự học, tự chủ, sống có trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Com pa, thước thẳng , thước đo góc , eke .

**2. Học sinh:**

- Compa, thước thẳng, thước đo góc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục đích:** HS biết được các SẢN PHẨM SỰ KIẾN cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b) Nội dung:** HS hoàn thành sơ đồ tư duy

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS Hệ thống kiến thức chương 4 bằng sơ đồ tư duy

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức vào giải các bài tập

**b. Nội dung:** Hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động 1:* Ôn tập lý thuyết**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV lần lượt nêu câu hỏi 1, 2 trang 128 SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lần lượt đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi mà GV nêu ra  - GV gợi ý, dẫn dắt HS trả lời,  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Các HS dưới lớp tham gia nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV chốt lại, treo bảng phụ ghi sẵn kết quả  ***-*** GV treo bảng phụ ghi tóm tắt các kiến thức cần nhớ trang 128 SGK  ***Hoạt động 2:******Luyện tập***  **NV1:- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS làm bài tập 40/tr.129, 43c/130 SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: Hoạt động nhóm hoàn thành các bài tập vào bảng nhóm  GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ các nhóm thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện nhóm lên bảng trình bày kết quả  + GV cùng cả lớp sửa bài và khẳng định nhóm đúng | **I. Lý thuyết:**  **1. Phát biểu bằng lời:**  a) Diện tích xung quanh của hình trụ bằng hai lần tích của số pi với bán kính đáy r và chiều cao h của hình trụ  b) Thể tích hình trụ bằng tích của diện tích đáy S với chiều cao h của hình trụ (hay tích của số pi với bình phương bán kính đáy r với chiều cao h của hình trụ)  c) Diện tích xung quanh của hình nón bằng tích của số pi với bán kính đáy r với độ dài đường sinh của hình nón  d) Thể tích hình nón bằng một phần ba tích của số pi với bình phương bán kính đáy r với chiều cao h của hình nón  e) Diện tích của mặt cầu bằng bốn lần tích của số pi với bình phương bán kính R của hình cầu  g)Thể tích của hình cầu bằng bốn phần ba tích của số pi với lập phương bán kính R của hình trụ  **2. Cách tính diện tích xung quanh của hình nón cụt:**  Sxq là hiệu diện tích xung quanh của hình nón lớn và hình nón nhỏ  V cũng là hiệu thể tích của hình nón lớn và hình nón nhỏ  \*Tóm tắt các kiến thức cần nhớ: (sgk)  **II/Luyện tập:**  **Bài tập 40 /129:**  2,5m  5,6m  a) Diện tích xung quanh cuả hình nón :  Sxq = =3,14.2,5.5,6  43,96 (m2)  Diện tích đáy hình nón là :  Sđáy = r2 = 3,14.2,52 19,63 (m2)  Diện tích toàn phần của hình nón là :  S = Sxq + Sđáy = 43,96 + 19,63 = 63, 59 (m2)  b) Diện tích xung quanh cuả hình nón :  Sxq = =3,14.3,6.4,8  3,6 m    4,8 m    54,26 (m2)  Diện tích đáy hình nón là :  Sđáy = r2 = 3,14.3,62 40,69 (m2)  Diện tích toàn phần của hình nón là :  S = Sxq + Sđáy = 54,26 + 40,69 = 94,95 (m2) |
| NV2:- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS họat động nhóm làm bài tập 41 trang 129  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  HS: Thảo luận nhóm hoàn thành bài tập  Gợi ý HS :  ?Nhận xét về hai tam giác vụông AOC và BDO  ?Suy ra được điều gì về các cạnh của chúng? Suy ra điều cần chứng minh?  ?Khi AOC = 600 thì tam giác AOC là tam giác gì??  ?Dựa vào đó xác định độ dài các cạnh của nó?  ?Nhận định về diện tích tứ giác ABDC?  ?Khi quay hình vẽ xung quanh cạnh AB ta có được những hình nào ?  ?Tính diện tích của các hình tạo được?  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  + Đại diện nhóm lên bảng trình bày kết quả  + Các nhóm khác nhận xét  - Bước 4: Kết luận, nhận định:  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | II/Luyện tập:  Bài 41/129  a) Xét hai tam giác vụông AOC và BDO có :  AOC = BOD (cùng phụ với góc BOD)  Suy ra: AOC BDO  Ta có: AC/AO = BO/BD  hay AC/a = b/BD  Suy ra : AC. BD = ab (không đổi) (\*)  b) Khi AOC = 600 thì tam giác AOC bằng nữa tam giác đều, cạnh OC, chiều cao AC. Vậy: OC = 2AO = 2a;  AC = (OC 3)/2 = a3  Thay giá trị này vào (\*), ta có:  BD = (b3)/3  SABDC ­= (AC+BD/2).AB =  (3/6)(3a2 + b2 + 4ab)(cm2)  c) Khi quay hình vẽ xung quanh cạnh AB, AOC tạo nên hình nón, bán kính đáy AC và chiều cao AO; tam giác BOD tạo nên hình nón, bán kính đáy BD và chiều cao OB. Thay số, ta có:  V1/V2 = (1/3πAC2.AO)/1/3πBD2.OB  = 9.a3/b3 |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b. Nội dung:** Hoàn thành các bài tập

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***a) Nhóm câu hỏi nhận biết:***

Câu 1: Nêu khái niệm về các hình trụ, hình nón, hình cầu (đáy, chiều cao, đường sinh,...(với hình trụ, hình nón )

Câu 2: Vẽ hình trụ, hình nón, hình cầu.

***b) Nhóm câu hỏi thông hiểu***

Câu 1: Viết công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần hình trụ, hình nón

Câu 2: Nêu các trường hợp đồng dạng tam giác.

***c) Nhóm câu hỏi vận dụng thấp:***

Hãy vận dụng công thức tính diện tích và thể tích hình trụ, hình nón , hình cầuđể giải bài tập làm bài 43c/130

***d)Nhóm câu hỏi vận dụng cao:***

Hãy vận dụng tam giác đồng dạng và công thức tính diện tích hình trụ, hình nón và thể tích hình cầuđể giải bài 40/129

**4. Hướng dẫn về nhà**

- Ôn kỹ các lý thuyết đã ôn và xem lại các bài tập đã giải

-Làm bài tập 38, 39 trang 129; 43a, b trang 130 SGK

**TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Họ và tên GV dạy: Nguyễn Văn Đức**

**TỔ: TOÁN Tuần:33 – Tiết: 66**

**TIẾT 66 : ÔN TẬP CUỐI NĂM**

**(Môn: Toán, Lớp:9A1,2,3,4; thời lượng thực hiện: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:

- Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức của chương III thông qua việc lần lượt giải các dạng bài tập liên quan đến đường tròn, hình tròn.

***2. Năng lực***

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

-Năng lưc chuyên biệt . *Biết* tính độ dài cung tròn, tính diện tích hình tròn S=.

***3. Phẩm chất***

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

**2. Học sinh:**

- Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (*lồng vào tiết học*)

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục đích:** Tái hiện lại các kiến thức liên quan phục vụ cho việc ôn tập

**b) Nội dung:** Ôn tập những kiến thức đã học ở chương III

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV đặt câu hỏi:**

+ Hãy nhắc lại tên các loại góc với đường tròn mà em đã học?

+ Hãy nêu các công thức tính độ dài đường tròn, cùng tròn. Công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn?

+ Khái niệm tứ giác nội tiếp, dấu hiệu nhận biết một tứ giác nội tiếp được đường tròn?

Hs trả lời như sgk

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM SỰ KIẾN** |
| **a. Mục tiêu:** Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức của chương 3 thông qua việc lần lượt giải các dạng bài tập liên quan đến đường tròn, hình tròn  **b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.  **c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Nhiệm vụ 1:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong sgk, chiếu tóm tắt các khái niệm lên phông.  - Nêu các góc liên quan với đường tròn đã học ?  - Viết công thức tính số đo các góc đó theo số đo của cung bị chắn.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời các câu hỏi của GV và ghi chép lại các kiến thức trọng tâm.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS trình bày kết quả  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV chốt kiến thức. | 1. Các kiến thức cần nhớ:  a) Các định nghĩa:(ý1 → ý 5)(sgk- 101)  b) Các định lý: (ý 1 → ý 16)(sgk - 102) |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành các nhóm hoàn thành các bài tập  Nhóm 1,2: Làm bài tập 89 trang 104 SGK  Nhóm 3,4: Làm bài tập 90 trang 104 SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Các nhóm thảo luận, hoàn thành bài tập ra bảng nhóm  GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện nhóm lên bảng trình bày kết quả  + Các nhóm khác nhận xét  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  GV chốt kiến thức. | Bài 89/104:    a)  = 600 (góc ở tâm có  số đo bằng số đo cung bị chắn)  b)  = 300 (số đo góc nội  tiếp bằng nữa số đo cung bị chắn)  c) = 300 (góc tạo bởi tia tiếp tuyến  và dây cung bằng nữa số đo cung bị chắn)  hoặc ’ = 1500 (bằng  sđ  = )  d) = sđ ()  Vậy :  >  e) = sđ () .  Vậy: AEB <  Bài 90/ 104:  a) b)  Ta có : R2 = AC2 = AB2 + BC2 = 42 + 42  = 32 suy ra: R = 2(cm)  c) r = Bài 91/99:  a) sđ ApB = 3600 – sđ AqB  = 3600 – 750 = 2850  b)Độ dài cung AqB:  lAqB====2,61(cm)  lApB====4,97(cm)  c) Diện tích hình quạt tròn OAqB là:  S = = == 2,61 (cm2) |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên yêu cầu HS thảo luận theo nhóm hoàn thành các bài tập:  **Bài tập 95/sgk.tr105**  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Các nhóm thảo luận hoàn thành bài tập ra bảng nhóm  GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm trong thời gian 10’ trình bày bài tập trên  + Đại diện nhóm lên bảng trình bày kết quả  + Các nhóm khác nhận xét  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV: Kiểm tra hoạt động của các nhóm, gọi HS nhận xét, cho điểm | **Bài tập 95/sgk.tr105 :**    a) Ta có:  và    ( các góc nội tiếp bằng nhau thì  chắn các cung bằng nhau)  hay CD = CE.(Liên hệ giữa cung và dây)  b)Ta có ( cmt)  (hệ quả góc nội tiếp)  cân tại B ( vì BA’ vừa là đường cao, vừa là đường phân giác)  c)Vì cân tại B  BC là đường trung trực của HD nên CD = CH.  d)Xét tứ giác A’HB’C có:  (gt)  Nên  tứ giác A’HB’C nội tiếp được đường tròn.  + Xét tứ giác AC’B’C có:  (gt)  tứ giác AC’B’C nội tiếp được đường tròn.  e) Theo chứng minh trên:  ( hệ quả góc nội tiếp)  Tương tự ta có:  Vậy H là giao điểm hai đường phân giác của H là tâm đường tròn nội tiếp | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b. Nội dung:** Gải các bài tập vận dụng

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV khắc sâu các công thức tính độ dài đường tròn, cung tròn. Diện tích hình tròn, hình quạt tròn đã vận dụng để giải bài tập trên.

Vận dụng công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn giải bài tập áp dụng

Bài 91/99: CM.tứ giác nội tiếp được đường tròn.

Bài 95/99:

**4. Hướng dẫn về nhà**

- Xem lại các bài tập đã chữa. Học thuộc các công thức và khái niệm.

- Giải tiếp các bài tập còn lại trong sgk - 104 - 105.